TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DSST
Ngày: 28-7- 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-DS ngày 06/4/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP....; Địa chỉ: 266-268 …, phường …, Quận …, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn …., chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh …, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng TMCP....– chi nhánh Phú Yên theo quyết định ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc.

Bà Nha ủy quyền lại cho bà Trương …, chức vụ: chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP....– chi nhánh Phú Yên làm đại diện; Địa chỉ: 205 – 207 – 209 – 211 …, phường …, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông K, sinh năm 1992; Địa chỉ: 11/3 …, phường …, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP..., bà Trương Thị Thu Thảo trình bày: Ngày 22/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP … – chi nhánh Phú Yên (gọi tắt: Ngân hàng) và ông K có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng số 1053950. Ngày 24/3/2018, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông K với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất theo biên độ lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP..., lãi suất hiện nay là 33,2%/năm, hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay: không xác định. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông K không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 30/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 15.120.157 đồng. Từ sau ngày 30/11/2022 cho đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông K vẫn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 28/7/2023 ông K còn nợ tổng cộng số tiền 20.117.886 đồng trong đó nợ gốc: 15.120.157 đồng và nợ lãi 4.997.729 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông K phải trả dứt điểm số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh sau ngày 28/7/2023 theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông K trả nợ xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn ông K không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/7/2023 là 20.117.886 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông K có nơi cư trú tại 11/3 …, phường …, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1053950 ngày 24/3/2018 và điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP … (có hiệu lực từ ngày 04/01/2018), xác định bị đơn ông K có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP

…số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất theo biên độ lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP..., lãi suất hiện nay là 33,2%/năm, hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay: không xác định.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông K không trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 30/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn là 15.120.157 đồng. Tính đến ngày 28/7/2023 ông K còn nợ tổng cộng số tiền 20.117.886 đồng trong đó nợ gốc: 15.120.157 đồng và nợ lãi 4.997.729 đồng. Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu ông K trả nợ nhưng ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nêu trên.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP … là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông K phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 20.117.886 đồng và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1053950 ngày 24/3/2018 mà hai bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP....

Buộc bị đơn ông K phải trả cho Ngân hàng TMCP....tổng cộng số tiền 20.117.886 đồng *(hai mươi triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng)* trong đó nợ gốc 15.120.157 đồng *(mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn một trăm năm mươi bảy đồng)* và nợ lãi tính đến ngày 28/7/2023 là 4.997.729 đồng *(bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2023), ông K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông K phải chịu 1.006.000 đồng *(một triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP....số tiền tạm ứng án phí 430.000 đồng *(bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0008071 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.